

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2017/DS-ST

Ngày: 12-12-2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Một;

2. Ông Võ Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ánh Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Kim Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 438/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm: 1969; địa chỉ: Số nhà 47, hẻm 2, đường Thuyền, khu phố Hiệp Thạnh, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm: 1981; địa chỉ: Số 1226, ấp Ninh An, xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn B, sinh năm: 1958 và bà Châu Yến P, sinh năm: 1960; cùng địa chỉ: Số nhà 20, đường Trường Chinh, khu phố Ninh Đức, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ KIỆN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H và người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Kiều D trình bày:

Do quen biết nên bà H đã cho bà P, ông B vay các lần tiền cụ thể như sau: Ngày 18/3/2016, bà H cho bà P, ông B vay số tiền 150.000.000 đồng; Ngày 16/8/2016 AL, bà H cho bà P, ông B vay tiếp số tiền 40.000.000 đồng; Ngày 05/01/2017, bà H cho bà P,

ông B vay tiếp số tiền 160.000.000 đồng; Ngày 13/5/2017, bà H cho bà P, ông B vay tiếp số tiền 120.000.000 đồng. Tổng cộng, bà H cho bà P, ông B vay 470.000.000 đồng, bà P viết giấy nợ và ký tên, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Mục đích vay bà P, ông B nói để đáo hạn Ngân hàng, mua đậu làm đậu hũ, mua đất. Có thỏa thuận thời gian 01 tháng trả tiền và lần cuối nói đáo hạn xong sẽ trả tất các khoản nợ và lãi suất nhưng cũng không trả. Bà P, ông B đã đóng lãi các khoản được 34.000.000 đồng và ngưng đến nay.

Tại phiên Tòa, bà H yêu cầu buộc bà P, ông B trả số tiền vốn vay là 470.000.000 đồng và tiền lãi tất cả các khoản nợ là 0.75%/tháng từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Theo bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Châu Yến P trình bày:*

Bà P xác định bà có vay bà H 04 lần tiền tổng cộng là 470.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 16/8/2015 AL, bà vay bà H số tiền 40.000.000 đồng; ngày 10/4/2016 AL, bà vay tiếp bà H số tiền 150.000.000 đồng; ngày 16/4/2016 AL, bà vay tiếp bà H số tiền 130.000.000 đồng; ngày 13/5/2017 AL, bà vay tiếp bà H số tiền là 150.000.000 đồng. Các lần vay bà có viết vào cuốn sổ của bà H và ký tên. Thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền. Mục đích bà vay để cho người khác vay lại và trả tiền lãi cho các khoản vay của những người khác.

Bà đã đóng lãi cho bà H được như sau: Số tiền 40.000.000 đồng, bà đã đóng lãi được 22 tháng x 2.000.000 đồng là 44.000.000 đồng; số tiền 150.000.000 đồng, bà đã đóng lãi cho bà H đến ngày 15/6/2017 là 135.000.000 đồng; số tiền 130.000.000 đồng, bà đóng lãi cho bà H đến ngày 21/6/2017 AL được số tiền 117.000.000 đồng; số tiền là 150.000.000 đồng, bà đã đóng lãi được 13.500.000 đồng/01 tháng thì ngưng. Tổng cộng, bà đã đóng lãi của các lần vay tổng cộng là 309.500.000 đồng, khi đóng lãi không có giấy tờ, không ai biết. Bà chưa trả khoản tiền vốn nào cho bà H.

Tại phiên tòa, bà P xác định vẫn còn nợ bà H số tiền vốn vay là 470.000.000 đồng, đã đóng lãi đầy đủ nhưng không có tài liệu, chứng cứ. Khi bà vay ông B không biết, khi đổ nợ bà có nói cho ông B biết. Bà vay tiền bà H bà sẽ có trách nhiệm trả, không yêu cầu ông B cùng trả nợ.

** Theo bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Võ Văn B trình bày:*

Việc bà P vay tiền của bà H như thế nào ông không biết. Nhưng ông là chồng ông sẽ có trách nhiệm cùng bà P trả nợ cho bà H. Hiện nay bà P còn nợ nhiều người khác nữa. Để mọi người đi thừa rồi ông bà sẽ bán tài sản trả cho họ. Sau đó ông B suy nghĩ lại không đồng ý cùng trả nợ với bà P. Bà P vay thì phải có trách nhiệm trả, ông không trả.

Tại phiên tòa, ông B không đồng ý cùng bà P trả nợ cho bà H.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo

Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị Thanh H yêu cầu vợ chồng bà Châu Yên P, ông Võ Văn B; cùng ngụ tại: khu phố Ninh Đức, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh trả số tiền vốn vay là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng và lãi suất. Đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà H khởi kiện yêu cầu bà P, ông B cùng trả số tiền vốn vay là 470.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà H là các giấy nợ do bà P viết và ký tên. Bà P cũng xác định có vay bà H các khoản tiền tổng cộng là 470.000.000 đồng. Các giấy nợ bà H nộp cho Tòa án là do bà viết và ký tên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ.

[3] Bà H yêu cầu ông B cùng bà P trả tiền. Mặc dù trong các giấy nợ ông B không có ký tên nhưng việc bà H cho bà P, ông B vay tiền là có thật. Khoản tiền bà P, ông B vay khi hôn nhân còn tồn tại. Mục đích bà P, ông B vay để đáo hạn Ngân hàng, mua đậu làm đậu hũ, mua đất. Bà P xác định khi vay tiền có nói cho ông B biết, ông B sẽ có trách nhiệm cùng bà trả tiền cho bà H (BL 24). Ông B xác định việc bà P vay tiền bà H ông không biết. Nhưng từ khi bà P tránh mặt thì bà H có đến nhà đòi tiền nên ông biết. Ông là chồng ông sẽ có trách nhiệm cùng bà P trả tiền cho bà H (BL21). Sau đó ông B thay đổi ý kiến cho rằng ông không biết việc bà P vay tiền bà H, ông không đồng ý trả nợ nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến thay đổi của mình. Như vậy, buộc bà P, ông B cùng trả tiền cho bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Đối với tiền lãi bà H xác định thỏa thuận miệng 2%/tháng. Bà H đã nhận lãi của các khoản vay được số tiền 34.000.000 đồng. Bà H yêu cầu tính lãi của các khoản vay là 0.75%/tháng từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, được bao nhiêu trừ vào tiền lãi bà đã nhận. Bà P xác định lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Bà đã đóng tiền lãi của các khoản vay được 309.500.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy bà H đồng ý tính lãi các khoản vay là 0.75%/tháng như vậy là có lợi cho bị đơn nên cần ghi nhận.

- Ngày 18/3/2016 đến ngày 12/12/2017 là 150.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 20 tháng 24 ngày là 23.400.000 đồng.

- Ngày 18/6/2016 AL (tức ngày 21/7/2016) đến ngày 12/12/2017 là 40.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 16 tháng 21 ngày là 5.010.000 đồng.

- Ngày 05/01/2017 đến ngày 12/12/2017 là 160.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 11 tháng 07 ngày 13.480.000 đồng.

- Ngày 13/5/2017 đến ngày 12/12/2017 là 120.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 7 tháng là 6.300.000 đồng.

Tổng cộng, bà P, ông B phải đóng lãi là 48.190.000 đồng, nhưng đã đóng được 34.000.000 đồng. Như vậy, bà P, ông B còn phải đóng tiền lãi cho bà H là 14.190.000 đồng.

[5] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề xuất hướng giải quyết: Căn cứ vào Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điểm b, Khoản 1, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà P, ông B. Buộc bà P, ông B có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền vốn vay là 470.000.000 đồng, tiền lãi 14.190.000 đồng. Tổng cộng 484.190.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm bà P, ông B phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà P, ông B là có cơ sở.

[7] Về án phí: Bà P, ông B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H đối với bà Châu Yến P, ông Võ Văn B.

Buộc bà Châu Yến P, ông Võ Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền vốn vay 470.000.0000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng, tiền lãi 14.190.000 (mười bốn triệu một trăm chín mươi ngàn) đồng. Tổng cộng, 484.190.000 (bốn trăm tám mươi tư triệu một trăm chín mươi ngàn) đồng.

2. Về án phí:

- Bà Châu Yến P, ông Võ Văn B phải chịu 23.368.000 (hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 11.400.000 (mười một triệu bốn trăm ngàn) đồng tại biên lai thu số 0004518 ngày 03/10/2017.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSNDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Bích Hằng